

Số: 41 /QĐ-SXD

Ninh Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán thu- chi ngân sách quý 4 năm 2020
dự toán thu- chi ngân sách 12 tháng năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển Kinh tế- xã hội và dự toán NSNN năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi Quý 4 năm 2020; tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 12 tháng năm 2020 của Sở Xây dựng Ninh Bình như sau:

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và được công bố công khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên cơ quan Sở Xây dựng Ninh Bình trên trang Thông tin điện tử Sở Xây dựng.

Điều 3. Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc, các phòng chuyên môn và toàn thể cán bộ công chức, viên chức và nhân viên cơ quan thi hành Quyết định này./. *vt*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính
- Lãnh đạo Sở ;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VT,KT. *vt*

GIÁM ĐỐC


Cao Trường Sơn

Đơn vị: Sở Xây dựng
Chương: 419

Biểu số 3- Theo TT90/2018/TT-BTC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 01 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2020 như sau:

ĐV tính: Ngân đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	VĂN PHÒNG SỞ				
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.700.000	782.253	29,0%	
1	Lệ phí	92.000	22.545	24,5%	
*	Lệ phí cấp phép XD	12.000	7.720	64,3%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	80.000	14.825	18,5%	
2	Phí	2.550.000	725.793	28,5%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.400.000	563.613	23,5%	
*	Chi phí thẩm định đồ án QH	150.000	162.180	108,1%	
3	Thu khác	58.000	33.915	58,5%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.350.000	569.689	24,2%	
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	2.350.000	569.689	24,2%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.350.000	569.689	24,2%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
III	Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN	350.000	106.646	30,5%	
1	Lệ phí	52.000	16.370	31,5%	
*	Lệ phí cấp phép XD	12.000	7.720	64,3%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	40.000	8.650	21,6%	
2	Phí	240.000	56.361	23,5%	
*	Phí thẩm định đầu tư	240.000	56.361	23,5%	
*	Chi phí thẩm định đồ án QH	-	-		
3	Thu khác	58.000	33.915	58,5%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.196.730	4.696.799	29%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.196.730	4.696.799	29%	
1	Chi quản lý hành chính	16.196.730	4.696.799	29%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.658.779	551.435	15%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.537.951	4.145.364	33%	
1.2.1	Mua sắm	46.800	-	0%	
1.2.2	Sửa chữa	498.600	-	0%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	45.000	45.000		
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	1.163.302	986.000	85%	
*	Phòng chống lụt bão	14.322	-		
*	Trang phục thanh tra	32.000	-		
*	Duy trì trang Web	43.000	-	0%	
*	Lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình XD; Các bộ đơn giá xây dựng CT và xác định đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh	838.800	838.000		
*	Xây dựng chỉ số giá	81.000	81.000		
*	Kinh phí tổ chức ĐH Đảng bộ Sở XD	45.180	-		
*	Kinh phí thực hiện CCHC	30.000	-		
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000	40.000		
*	Kinh phí chuyển đổi, áp dụng hệ thống ISO9001:2015	25.000	15.000		
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.000	-	0%	
*	Bổ sung kinh phí tuyên truyền ĐH Đảng	12.000	12.000		
1.3	Nhiệm vụ tình giao	10.784.249	3.114.364	29%	
1.3.1	Chương trình XD nông thôn mới	50.000	50.000	100%	
1.3.2	Nhiệm vụ Quy hoạch	10.734.249	3.064.364	67%	
*	Quy hoạch Trung tâm Ninh Hải, Ninh Thắng	632.000	-	0,0%	
*	Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh NB giai đoạn đến năm 2021-2030	650.000	-		
*	Lập kế hoạch phát triển nhà ở	270.000	-		
*	Lập QH phân khu Khu 4-4 (phân khu NT)	8.657.799	2.886.340	33,3%	
*	Kinh phí lựa chọn nhà đầu tư các DA khu đô thị	524.450	178.024	33,9%	



Đơn vị: Sở Xây dựng
Chương: 419

Biểu số 3- Theo TT90/2018/TT-BTC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 01 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 12 tháng năm 2020 như sau:

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	VĂN PHÒNG SỞ				
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.700.000	2.976.476	110,2%	
1	Lệ phí	92.000	58.395	63,5%	
*	Lệ phí cấp phép XD	12.000	19.495	162,5%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	80.000	38.900	48,6%	
2	Phí	2.550.000	2.686.573	105,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.400.000	2.180.037	90,8%	
*	Chi phí thẩm định đồ án QH	150.000	506.536	337,7%	
3	Thu khác	58.000	231.508	399,2%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.350.000	1.984.439	84,4%	
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	2.350.000	1.984.439	84,4%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.350.000	1.984.439	84,4%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
III	Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN	350.000	491.732	140,5%	
1	Lệ phí	52.000	42.220	81,2%	
*	Lệ phí cấp phép XD	12.000	19.495	162,5%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	40.000	22.725	56,8%	
2	Phí	240.000	218.004	90,8%	
*	Phí thẩm định đầu tư	240.000	218.004	90,8%	
*	Chi phí thẩm định đồ án QH	-	-		
3	Thu khác	58.000	231.508	399,2%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.196.730	13.427.114	83%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.196.730	13.427.114	83%	
1	Chi quản lý hành chính	16.196.730	13.427.114	83%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.658.779	3.658.778	100%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.753.702	1.662.744	95%	
1.2.1	Mua sắm	46.800	44.380	95%	
1.2.2	Sửa chữa	498.600	498.284	100%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	45.000	45.000	100%	
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	1.163.302	1.075.080	92%	
*	Phòng chống lụt bão	14.322	-	0%	
*	Trang phục thanh tra	32.000	32.000	100%	
*	Duy trì trang Web	43.000	9.900	23%	
*	Lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình XD; Các bộ đơn giá xây dựng CT và xác định đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh	838.800	838.000	100%	
*	Xây dựng chỉ số giá	81.000	81.000	100%	
*	Kinh phí tổ chức ĐH Đảng bộ Sở XD	45.180	45.180	100%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	30.000	-		
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000	40.000	100%	
*	Kinh phí chuyển đổi, áp dụng hệ thống ISO9001:2015	25.000	15.000	60%	
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.000	2.000	100%	
*	Bổ sung kinh phí tuyên truyền ĐH Đảng	12.000	12.000	100%	
1.3	Nhiệm vụ tình giao	10.784.249	8.105.592	75%	
1.3.1	Chương trình XD nông thôn mới	50.000	50.000	100%	
1.3.2	Nhiệm vụ Quy hoạch	10.734.249	8.055.592	125%	
*	Quy hoạch Trung tâm Ninh Hải, Ninh Thắng	632.000	-	0,0%	
*	Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh NB giai đoạn đến năm 2021-2030	650.000	-	0,0%	
*	Lập kế hoạch phát triển nhà ở	270.000	-	0,0%	
*	Lập QH phân khu Khu 4-4 (phân khu NT)	8.657.799	7.877.568	91,0%	
*	Kinh phí lựa chọn nhà đầu tư các DA khu đô thị	524.450	178.024	33,9%	

